

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2022.
V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Tấn Hiệu.

Ông Nguyễn Văn Vẹn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1988 (vắng mặt);*

HKTT: Ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp T, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1987 (vắng mặt);*

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 04/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Lê Văn C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/4/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hòa hợp, anh chị thường xuyên cãi nhau. Chị T và anh C đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Khánh D, sinh ngày 30/11/2006 đang sống cùng anh C và Lê Thị Anh T2, sinh ngày 29/11/2009 hiện đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi cháu Anh T2, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý để anh C nuôi dưỡng cháu D, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ C vẫn bản tố tụng nhưng anh C vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và C đương sự đã chấp hành đúng C quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T. Giao cháu Lê Thị Anh T2 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Lê Khánh D cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T và anh C không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Văn C theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chị T có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T về việc được ly hôn anh Lê Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì chị T và anh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/4/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hòa hợp, anh chị thường xuyên cãi nhau. Chị T và anh C đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tòa án nhân dân huyện G đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn C nhưng anh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của chị T và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh C không có thành ý hàn gắn tình cảm giữa anh chị. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như anh C không có phản đối gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T;

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh C không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T về việc yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Anh T2, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu T2 và đồng ý giao cháu Lê Khánh D cho anh C nuôi dưỡng, chị cũng không cấp dưỡng nuôi cháu D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời trình bày của đương sự thì giữa chị T và anh C có 02 con chung là Lê Khánh D, sinh ngày 30/11/2006 đang sống cùng anh C và Lê Thị Anh T2, sinh ngày 29/11/2009 hiện đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung là Lê Thị Anh T2, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu T2 và đồng ý giao cháu Lê Khánh D cho anh C nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi cháu D. Xét yêu cầu về con chung của chị T là có cơ sở vì cháu T2 đã sống với chị T và cháu D đã sống với anh C từ khi hai anh chị sống ly thân (tháng 4/2021) cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống của cháu T2 và cháu D đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Hơn nữa, tại Bản tự khai đề ngày 04/11/2021 của cháu T2 và cháu D thể hiện cháu T2 có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu D có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn, nên cần tôn trọng ý kiến của cháu T2 và cháu D.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như anh C không có phản đối gì đối với yêu cầu của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Lê Thị Anh T2 cho chị T, giao cháu Lê Khánh D cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh C, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ C điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ C điều 92, 147, 227, 228, 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T20ng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được quyền ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Anh T2, sinh ngày 29/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Bích T và giao cháu Lê Khánh D, sinh ngày 30/11/2006 cho anh Lê Văn C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn C, chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn C, chị Nguyễn Thị Bích T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005065 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Văn C vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- C đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Linh